TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN I** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ	*Ia H'Drai, ngày 23 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2024/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2024 (Thụ lý cũ số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2023), giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991.
- Bị đơn: Anh Vi Văn S, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Vi Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Vi Văn S thỏa thuận - Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Diễm N, sinh ngày 10/11/2011 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vi Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị L chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Toà án số: BLTU/23/0002552 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh K. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho chị Trần Thị L 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện I;
- UBND xã Ia Đal, Huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Phú Lợi